

Bản án số: 451/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 28 - 6 - 2021

V/v: Tranh chấp về ly hôn và nuôi con

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Trọng Tiến

*Các hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Đặng Thu Vân

2. Bà Nguyễn Thị Kim Hồng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thùy D - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Phan Tuyết Trinh – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 100/2021/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2021 về tranh chấp “ly hôn và nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 125/2021/QĐXX-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 104/2021/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Mỹ D, sinh năm 1981

Địa chỉ: Số 37/11/28 đường P, Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Đức T, sinh năm 1981

Địa chỉ: Số 37/11/28 đường P, Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

*(Các đương sự vắng mặt)*

**NỘI D VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện cùng các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ D trình bày:

Bà D và ông Nguyễn Đức T tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 76, quyển số 01/2002, ngày 11/10/2002).

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến năm 2015 mâu thuẫn phát sinh vì đời sống chung không hòa hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, ông T không chung thủy nên đời sống hôn nhân luôn luôn căng thẳng, ngột ngạt và đã ly thân từ đó cho đến nay, mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Dù bà D đã nhiều lần khuyên nhủ, cố gắng hàn gắn hạnh phúc nhưng không thành, nay tình cảm vợ chồng không còn, đời

sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Nguyễn Thị Mỹ D yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Đức T.

Về nuôi con chung: Bà D xác định vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Trí C, sinh ngày 08/5/2002 (hiện trẻ Cường đã thành niên) và Nguyễn Ngọc Như T, sinh ngày 08/11/2008. Ngoài ra vợ chồng không còn con chung, con nuôi nào khác. Bà D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Thảo, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà D xác định vợ chồng không có tài sản chung và khoản nợ chung nào nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Đức T đã được Tòa án tổng đạt, triệu tập nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án không thể thu thập được lời khai và không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã tuân thủ đúng thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến khi xét xử; Bị đơn chưa chấp hành đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự; Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ông Nguyễn Đức T đã được triệu tập đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Đồng thời, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ D có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét đơn yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Mỹ D thì đây là tranh chấp ly hôn theo yêu cầu một bên, do bị đơn ông Nguyễn Đức T cư trú tại Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về các yêu cầu của đương sự:

[3.1] Xét thấy, bà Nguyễn Thị Mỹ D và ông Nguyễn Đức T tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận phù hợp với Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.2] Xét yêu cầu của bà Nguyễn Thị Mỹ D xin được ly hôn với ông Nguyễn Đức T vì mâu thuẫn phát sinh đã từ lâu, đời sống chung không hòa hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, ông T không chung thủy nên đời sống hôn nhân luôn luôn căng thẳng, ngột ngạt và đã ly thân từ đó cho đến nay, mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông T đến Tòa để làm rõ tình trạng hôn nhân và tạo điều kiện cho vợ chồng hòa giải, đoàn tụ, hàn gắn hạnh phúc gia đình nhưng ông T vắng mặt và ông cũng không có mặt tại phiên tòa xét xử, điều này thể hiện ông T không còn tha thiết đến việc hàn gắn hạnh phúc gia đình. Hội đồng xét xử xét thấy, tình cảm vợ chồng phải xuất phát từ hai phía, cả hai phải có sự thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc nhau,

cùng giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau phát triển mọi mặt, cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình. Thế nhưng, giữa bà D và ông T đã không còn sự thương yêu, quý trọng, chăm sóc lẫn nhau mà người nào chỉ biết bỏn phận người đó, mạnh ai nấy sống. Tình cảm vợ chồng đã không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã phát sinh trầm trọng trong một thời gian dài, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Mỹ D là có căn cứ phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.3] Về nuôi con chung: Bà D xác định vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Trí C, sinh ngày 08/5/2002 (hiện trẻ Cường đã thành niên) và Nguyễn Ngọc Như T, sinh ngày 08/11/2008. Ngoài ra vợ chồng không còn con chung, con nuôi nào khác.

Xét nguyện vọng của trẻ Nguyễn Ngọc Như T tại bản tự khai đề ngày 13/5/2021 “Nếu ba mẹ ly hôn con có nguyện vọng được ở với mẹ”. Nay bà D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 (hai) con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên yêu cầu trên là phù hợp với nguyện vọng của con chung. Đồng thời, trẻ Thảo là con gái nên cần có bàn tay chăm sóc đặc biệt của người mẹ. Mặt khác, ông T không đến Tòa nên cũng không thể hiện được ý kiến của ông về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Do đó, để bảo đảm quyền lợi về mọi mặt của con chung nên việc giao trẻ Nguyễn Ngọc Như T cho bà D tiếp tục nuôi con, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho ông T cho đến khi bà D có yêu cầu là có căn cứ phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Ông Nguyễn Đức T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai có quyền ngăn cản theo quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và Gia đình.

[3.4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà D xác định vợ chồng không có tài sản chung và khoản nợ chung nào nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Xét, ý kiến phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên có căn cứ chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào Luật Phí và Lệ phí năm 2015; Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 8, Điều 9, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của khởi kiện của bà Nguyễn Thị Mỹ D.

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Mỹ D được ly hôn ông Nguyễn Đức T. Giấy chứng nhận kết hôn số 76, quyển số 01/2002 do Ủy ban nhân Ủy ban nhân dân Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11/10/2002 không còn giá trị kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Về nuôi con chung: Bà D xác định vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Trí C, sinh ngày 08/5/2002 (hiện trẻ Cường đã thành niên) và Nguyễn Ngọc Như T, sinh ngày 08/11/2008. Ngoài ra vợ chồng không còn con chung, con nuôi nào khác. Giao trẻ Nguyễn Ngọc Như T cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho ông Nguyễn Đức T cho đến khi bà D có yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cản.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản chung và nợ chung: Bà D xác định vợ chồng không có tài sản chung và khoản nợ chung nào nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: 300.000 (ba trăm ngàn) đồng bà Nguyễn Thị Mỹ D phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai số AA/2019/ 0044992 ngày 25 tháng 02 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà D đã thi hành xong phần án phí dân sự sơ thẩm.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Về Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

4. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận 8;
- Chi cục THADS Quận 8;
- Ủy ban nhân dân nơi thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Trọng Tiến**

